TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2026

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu;

2. Bà Trần Thị Kim Tân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thoại Yến Nhi – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 17/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2026/TLST- HNGĐ ngày 06/5/2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST – HNGĐ ngày 10/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thanh Phương T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp X (nay là ấp Đ), xã X, thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Điểu N, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp X (nay là ấp X), xã X, thành phố Đ.

(Bà T, ông N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thanh Phương T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 31/5/2018 bà và ông N tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ).

Trong quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông N thường xuyên đánh đập bà. Vợ chồng không còn chung sống khoảng 03 năm nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, và ông N cũng không qua lại chăm sóc con cái. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không

thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án được ly hôn với ông N.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ Hoàng Phương M, sinh năm 18/9/2019 và cháu Điều Hoàng Phương O, sinh ngày 20/12/2021; Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng con.

Tài sản chung, nợ chung theo bà T là không có.

* Bị đơn là ông Điểu N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thanh Phương T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và con chung với ông Điểu N, cư trú tại: ấp X (nay là ấp X), xã X, thành phố Đ. Như vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thanh Phương T là nguyên đơn, ông Điểu N là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà T có đơn xét xử vắng mặt, ông N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thanh Phương T và ông Điểu N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/5/2018 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T có nguyện vọng xin ly hôn với ông Điểu N nhưng ông không hợp tác, không có lời khai. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Ông N thường hay đánh đập bà, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay, ông N không qua lại chăm sóc con cái. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đều tống đạt văn bản tố tụng cho ông Điểu N theo luật định, ông N nhận được nên biết rõ việc bà T làm đơn ly hôn ông nhưng ông không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ ông N cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần thiết cho bà Hoàng Thanh Phương T được ly hôn với ông Điểu N là phù hợp.

- Về con chung: cháu Điểu Hoàng Phương M, sinh ngày 18/9/2019 và cháu Điểu Hoàng Phương O, sinh ngày 20/12/2021 đều sống chung với bà T từ khi hai vợ chồng ly thân, bên cạnh đó cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu O còn nhỏ nên cần thiết giao 02 cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Do bà T không yêu cầu nên tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: theo bà T khai là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền số 0010249 ngày 06/5/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thanh Phương T được ly hôn với ông Điểu N.

2. Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thanh Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Điểu Hoàng Phương M, sinh ngày 18/9/2019 và cháu Đ Hoàng Phương O, sinh ngày 20/12/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Khi cần thiết, bà T và ông N được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo bà T khai là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền số 0010249 ngày 06/5/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà T, ông N biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng thi hành án khu vực 6;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng